

Bản án số: 185/2019/HSST
Ngày 22/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yên – nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu và bà Lò Thị Minh – nghề nghiệp: cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 183/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T, sinh ngày: 27/02/1987 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu X, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn L (đã chết) và bà Phạm Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/6/2013 bị Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ xử phạt vi phạm hành chính hình thức Cảnh cáo về hành vi Gây mất trật tự khu dân cư (đã được xóa tiền sự); bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2019 đến nay; có mặt.

2. Hà Văn D, sinh ngày: 18/10/2000 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn H (đã chết) và bà Lương Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2019 đến nay; có mặt.

3. Hà Quang T, sinh ngày: 25/8/2002 tại huyện M, tỉnh Sơn La (*tính đến ngày 21/3/2019, bị cáo 16 tuổi 6 tháng 26 ngày*); nơi cư trú: Bản V, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn T và bà

Hà Thị V; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22/3/2019 đến ngày 27/3/2019 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Hồ A T1, sinh năm: 1988 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản C, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ A T và bà Vàng Thị L; có vợ là Tráng Thị S và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/01/2014 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm giáo dục lao động tỉnh S, ngày 27/12/2015 đã chấp hành xong (đã được xóa tiền sự); bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2019 đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hà Quang T: Ông Hà Văn T (bố đẻ), sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Bản V, xã Mường S, huyện M, tỉnh Sơn L; có mặt.

Người bào chữa của bị cáo Hà Quang T: Bà Vì Thị Xuyên – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La; có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Hoàng Văn C, vắng mặt.
- Ông Sa Văn H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 21/3/2019 Hà Văn D một mình điều khiển xe máy BKS 26G1 – 195.68 đi đến nhà Hà Quang T để rủ T đi chuộc điện thoại di động của T đang cầm cố tại tiểu khu 8, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, T đồng ý. Sau đó D điều khiển xe máy đến nhà Hoàng Văn C (C là chú họ của D và cùng làm thuê công trình xây dựng tại thác D, xã M, huyện M) thì thấy trong nhà có C và Sa Văn H (là hàng xóm của C), D đi vào trong nhà còn T đứng ngoài. Khi vào trong nhà C nói với D tí nữa có Hoàng Văn T (là người cùng làm công trình xây dựng thác D với C và D) đến có việc nhờ D. Một lúc sau T điều khiển xe máy đi cùng một người đàn ông tên Q (là bạn mới quen của T) đến nhà C, khi đang ngồi uống nước T bảo D ra ngoài nhờ tí việc, D và T đi ra ngoài sân đến gần chỗ T đang đứng, T bảo D đi mua hồng phiến về sử dụng chung, D nói phải đi xem có mua được không, sau đó T đưa cho D 350.000đ bảo D mua 03 viên hồng phiến còn tiền thừa lại thì cho D, D đồng ý. Sau khi T đi vào trong nhà C uống nước, D quay sang rủ T đi mua ma túy, T đồng ý. Sau đó D điều khiển xe máy chở T đến quán điện thoại chuộc điện thoại mà T đã cầm cố rồi đi đến nhà Hồ A T1 để mua ma túy thì gặp T1 đang ở nhà, D đưa cho T1 400.000đ (trong đó 350.000đ là tiền của T, 50.000đ là tiền của D) để T1 đi mua ma túy về cùng sử dụng, T1 đồng ý nhận tiền rồi đi đến đường dân sinh đi bản C, xã Đ, huyện M thì gặp một người đàn ông dân tộc Thái không quen biết, qua trao đổi T1 mua được của người đó 08 viên Methamphetamine được gói bằng mảnh nilon màu đỏ với giá 400.000đ và cầm về nhà đưa cho D, D bảo T1 gói 03 viên Methamphetamine để D mang về

còn lại 05 viên Methamphetamine cùng nhau sử dụng. Sau đó T1 gói 03 viên Methamphetamine bằng mảnh nylon màu đỏ ban đầu và đưa cho D, còn lại 05 viên Methamphetamine T1 nghiền ra rồi cùng D và T sử dụng hết tại nhà ở của T1. Sau khi sử dụng Methamphetamine xong D cầm gói nylon màu đỏ đựng 03 viên Methamphetamine trong lòng bàn tay trái và bảo T điều khiển xe máy BKS 26G1 – 195.68 chở D mang ma túy về cho T. Khi T và D đi đến bản T, xã Đ, huyện M thì gặp tổ công tác Công an xã Đ đang làm nhiệm vụ, D đã thả gói ma túy trong lòng bàn tay trái xuống đất thì bị tổ công tác phát hiện, D đã nhặt gói ma túy lên giao nộp cho tổ công tác và cùng T khai nhận là Methamphetamine của D và T mua về cho Hoàng Văn T để cùng nhau sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng: 01 gói nylon màu đỏ bên trong đựng 03 viên nén màu hồng trên bề mặt mỗi viên đều có chữ WY nghi là Methamphetamine; tạm giữ 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave α màu đen BKS 26G1 – 195.68, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu xám bên trong có lắp 01 sim số Viettel.

Mở rộng điều tra, ngày 22/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã thi hành Lệnh giữ người, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Hoàng Văn T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội là đưa cho Hoàng Văn D 350.000đ để nhờ D đi mua hộ 03 viên Methamphetamine về để cùng sử dụng. Quá trình bắt giữ không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 22/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu và Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành mở niêm phong, xác định số lượng các viên nén màu hồng nghi là Methamphetamine thu giữ của Hà Văn D và Hà Quang T là 03 viên, có tổng khối lượng 0,3 gam. Lấy 02 viên được khối lượng 0,2 gam làm mẫu trưng cầu giám định, mẫu có ký hiệu D.

Tại kết luận giám định số 653 ngày 24/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu D là ma túy; loại Methamphetamine; tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,2 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,3 gam; loại Methamphetamine”.

Căn cứ vào lời khai của Hà Văn D, Hà Quang T và các tài liệu chứng cứ đã thu thập còn xác định Hờ A T1 là đối tượng cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với D và T. Ngày 29/5/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Hờ A T1 nhưng Hờ A T1 đã bỏ trốn. Ngày 20/6/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã Quyết định truy nã đối với Hờ A T1. Đến ngày 17/8/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã bắt được Hờ A T1. Tại cơ quan điều tra, Hờ A T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Cáo trạng số 183/CT-VKSMC ngày 10/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố Hoàng Văn T, Hà Văn D, Hà Quang T, Hờ A T1 về

tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Hà Văn D, Hà Quang T, Hồ A T1 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt các bị cáo như sau:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 18 tháng đến 21 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn D từ 18 tháng đến 21 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Quang T từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

4. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ A T1 từ 21 tháng đến 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án:

Tạm giữ của Hà Văn D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu xám, bên trong có lắp 01 sim để đảm bảo thi hành án về phần án phí.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 viên = 0,1 gam Methamphetamine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Hoàng Văn T; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Hà Văn D; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Hà Quang T; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Hồ A T1.

6. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn T, Hà Văn D, Hà Quang T, Hồ A T1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra.

Luật sư Vì Thị Xuyên trình bày lời bào chữa cho bị cáo Hà Quang T: Việc CQCSĐT Công an huyện Mộc Châu và VKSND huyện Mộc Châu truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội khi chưa đến 18 tuổi, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại Điều 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự về xử lý đối với người phạm tội dưới 18 tuổi và các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Hà Quang T, người đại diện hợp pháp của bị cáo Hà Quang T không bổ sung ý kiến bào chữa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; vật chứng đã thu giữ; biên bản mở niêm phong vật chứng, xác định số lượng, khối lượng, lấy mẫu giám định, niêm phong lại vật chứng; kết luận giám định và lời khai của người chứng kiến sự việc.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 21/3/2019 Hoàng Văn T đã đưa cho Hà Văn D 350.000đ để Hà Văn D đi mua 03 viên Methamphetamine về để sử dụng chung. Sau đó Hà Văn D đã rủ Hà Quang T cùng đi đến nhà Hờ A T1 để nhờ mua ma túy. Hà Văn D đưa cho Hờ A T1 400.000đ, Hờ A T1 đi mua được của một người đàn ông không quen biết 08 viên Methamphetamine. Sau khi mua được ma túy, Hà Văn D, Hà Quang T và Hờ A T1 đã cùng nhau sử dụng hết 05 viên Methamphetamine, còn lại 03 viên Methamphetamine có tổng khối lượng 0,3 gam Hà Văn D và Hà Quang T đang cất giấu để mang về cho Hoàng Văn T để cùng nhau sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn T, Hà Văn D, Hà Quang T, Hờ A T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới chế độ quản lý chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm gia tăng các tệ nạn xã hội.

Xét về nhân thân của các bị cáo thấy rằng các bị cáo có nhân thân xấu, đều là các đối tượng nghiện ma túy. Hoàng Văn T và Hồ A T1 đều đã có 01 tiền sự (đã được xóa). Các bị cáo đều nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân, gia đình và xã hội nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo Hà Văn D, Hà Quang T được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Hoàng Văn T được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Ông ngoại bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến hạng nhất quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Hồ A T1 được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Hà Văn D phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Các bị cáo Hoàng Văn T, Hà Quang T, Hồ A T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, cần cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Phân hoá vai trò phạm tội: Bị cáo Hoàng Văn T là người khởi sự, cung cấp tiền cho Hà Văn D và Hà Quang T đi mua ma túy nên giữ vai trò chính trong vụ án. Hà Văn D là người tiếp nhận ý chí từ Hoàng Văn T, điều khiển xe máy và trực tiếp cất giấu ma túy. Hà Quang T là người tiếp nhận ý chí từ Hà Văn D, cùng với D đi mua ma túy. Hồ A T1 là người tiếp nhận ý chí từ Hà Văn D, trực tiếp đi mua ma túy. Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm do đó các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự, do đó khi

quyết định hình phạt căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

Bị cáo Hà Quang T tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội 21/3/2019 bị cáo được 16 tuổi, 6 tháng, 26 ngày, vì vậy cần áp dụng các quy định về xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội tại Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ người dưới 18 tuổi sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền):

Đối với Hà Quang T là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không bị áp dụng hình phạt bổ sung.

Đối với Hoàng Văn T, Hà Văn D, Hồ A T1: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng các bị cáo đều không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] Về vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave α màu đen BKS 26G1 – 195.68, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Lương Thị H (mẹ đẻ của Hà Văn D), việc D sử dụng xe máy đi mua ma túy bà H hoàn toàn không biết. Ngày 02/7/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã quyết định giao trả chiếc xe máy trên cho bà H quản lý sử dụng là đúng quy định của pháp luật, do đó không đề cập đến việc giải quyết.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu xám, bên trong có lắp 01 sim là tài sản hợp pháp của Hà Văn D, không sử dụng vào việc phạm tội do đó cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án về phần án phí.

Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 viên = 0,1 gam Methamphetamine là vật Nhà nước cấm tàng trữ và vỏ gói niêm phong ban đầu không có giá trị sử dụng, đều cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Hoàng Văn T; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Hà Văn D; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Hà Quang T; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Hồ A T1, đều là những vật không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Đối với người đàn ông dân tộc Thái đã bán ma túy cho Hồ A T1 ngày 21/3/2019. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với Hoàng Văn C, Sa Văn H và người đàn ông tên Q (bạn của T), quá trình điều tra xác định những người này không biết, không liên quan đến việc các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy nên không đề cập đến biện pháp xử lý.

Quá trình điều tra Hà Văn D và Hà Quang T còn khai nhận: Khoảng đầu tháng 3/2019 D và T đi đến nhà Hồ A T1 để mua thớt gỗ nhưng T1 đã bán hết, sau đó D đưa cho T1 100.000đ để nhờ T1 đi mua ma túy về sử dụng chung, T1

đồng ý nhận tiền đi tìm mua ma túy nhưng không được, T1 đã trả lại cho D 100.000đ. Đến khoảng ngày 11/3/2019 D và T tiếp tục đi đến nhà T1 để nhờ V đi tìm mua ma túy, D đưa cho T1 200.000đ, T1 đi mua được 04 viên hồng phiến. Khi về đến nhà T1 đã cùng D và T sử dụng hết 04 viên hồng phiến tại nhà T1. Ngày 12/9/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành đối chất giữa Hồ A T1 với Hà Văn D và Hà Quang T, kết quả: Hồ A T1 không thừa nhận hành vi ngày 11/3/2019 đi mua hộ ma túy cho D, T1 chỉ thừa nhận khoảng đầu tháng 3/2019 D đưa cho T1 100.000đ để T1 đi mua ma túy về sử dụng chung nhưng T1 đi tìm mua không được. Do đó cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu không quy kết trách nhiệm hình sự đối với Hồ A T1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng quy định.

Đối với hành vi Hà Văn D và Hà Quang T sử dụng 05 viên Methamphetamine tại nhà ở của Hồ A T1. Do D, T và T1 đều là những đối tượng nghiện ma túy, do đó cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu không quy kết trách nhiệm hình sự đối với Hồ A T1 về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo Điều 256 Bộ luật hình sự là đúng quy định.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy thời hạn tạm giam các bị cáo còn lại trên 45 ngày, Hội đồng xét xử không ra quyết định tạm giam đối với các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 19 (Mười chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 22/3/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn D phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Hà Văn D 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 22/3/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hà Quang T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Hà Quang T 15 (Mười lăm) tháng tù. Bị cáo được khấu trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 22/3/2019 đến ngày 27/3/2019 là 06 ngày, bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 14 (Mười bốn) tháng, 24 (Hai mươi bốn) ngày tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

4. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hồ A T1 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Hồ A T1 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 17/8/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án:

Tạm giữ của Hà Văn D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu xám, dung lượng 32G, số IMEL: 013406008273350, bên trong có lắp 01 sim Viettel số 0379205584 để đảm bảo thi hành án về phần án phí.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 viên = 0,1 gam Methamphetamine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Hoàng Văn T; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Hà Văn D; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Hà Quang T; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Hồ A T1.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Hà Văn D, Hà Quang T, Hồ A T1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Thanh Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Trại giam;
- THAHS;
- Bị cáo;
- Người ĐDHP của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thị Hiến